

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Anh Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 60837769/22574058-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà ("Công ty") và các công ty con được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 58, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1

Nguyễn Hoàng Linh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3835-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và
Khu Công nghiệp Sông Đà

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.262.069.352.312	4.536.193.663.437
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	339.584.521.592	222.195.226.747
111	1. Tiền		194.943.355.284	216.801.794.310
112	2. Các khoản tương đương tiền		144.641.166.308	5.393.432.437
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		36.990.442.845	17.031.734.075
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	17.817.000.000	17.817.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(59.640.000)	(14.272.730.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	19.233.082.845	13.487.464.075
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		222.118.731.877	447.851.932.920
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	223.773.881.660	424.629.626.201
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	29.955.229.684	49.001.849.505
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	84.669.535.394	86.108.372.529
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 6.2, 7	(116.279.914.861)	(111.887.915.315)
140	IV. Hàng tồn kho	9	3.612.546.905.289	3.795.940.642.348
141	1. Hàng tồn kho		3.617.237.776.965	3.800.631.514.024
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.690.871.676)	(4.690.871.676)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		50.828.750.709	53.174.127.347
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	20.555.080.185	22.943.155.582
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	30.022.268.180	30.066.303.956
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		251.402.344	164.667.809

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và
Khu Công nghiệp Sông Đà

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.683.977.991.351	2.511.346.604.622
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		117.053.467.975	117.053.467.975
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6.2	49.982.867.975	49.982.867.975
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	67.070.600.000	67.070.600.000
220	II. Tài sản cố định		212.350.422.856	220.740.999.398
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	211.546.375.762	219.917.368.172
222	Nguyên giá		302.159.191.449	301.838.751.631
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(90.612.815.687)	(81.921.383.459)
227	2. Tài sản cố định vô hình		804.047.094	823.631.226
228	Nguyên giá		999.212.051	999.212.051
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(195.164.957)	(175.580.825)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	6.510.484.578	7.816.704.921
231	1. Nguyên giá		16.276.211.437	17.765.238.498
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(9.765.726.859)	(9.948.533.577)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.209.659.222.185	2.002.849.576.158
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	13.1	2.171.854.951.744	1.966.754.322.256
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13.2	37.804.270.441	36.095.253.902
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	15	119.029.261.928	150.364.135.914
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	15.1	72.561.704.268	103.238.627.810
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.2	58.243.068.750	55.493.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(15.515.313.230)	(15.216.214.888)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.3	3.739.802.140	6.848.722.992
260	VI. Tài sản dài hạn khác		19.375.131.829	12.521.720.256
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	11.988.105.854	5.737.054.882
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	7.387.025.975	6.784.665.374
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.946.047.343.663	7.047.540.268.059

HAI
 CÔNG
 T
 NST
 VIỆ
 CHI
 H,
 VẮNG
 CÔNG
 Ồ PH
 Ứ PHÁ
 Ồ TH
 CÔNG
 ỨNG
 LIÊN

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và
Khu Công nghiệp Sông Đà

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.747.256.581.699	4.894.164.516.193
310	I. Nợ ngắn hạn		3.488.934.372.411	4.461.329.046.699
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	208.396.159.537	238.796.912.583
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	140.903.062.684	253.952.459.072
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	45.580.817.265	94.323.571.813
314	4. Phải trả người lao động		24.119.752.437	20.694.661.794
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	1.091.328.056.813	1.076.695.225.234
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	3.184.703.232	8.125.797.475
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	1.539.872.395.475	2.029.069.103.699
320	8. Vay ngắn hạn	21	341.957.316.548	645.818.339.178
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	93.592.108.420	93.852.975.851
330	II. Nợ dài hạn		1.258.322.209.288	432.835.469.494
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	16.2	193.235.600.481	193.673.600.481
333	2. Chi phí phải trả dài hạn		2.465.830.400	2.219.247.360
337	3. Phải trả dài hạn khác	20	198.596.194.108	198.866.561.354
338	4. Vay dài hạn	21	862.000.000.000	36.051.476.000
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		2.024.584.299	2.024.584.299
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.198.790.761.964	2.153.375.751.866
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	2.198.790.761.964	2.153.375.751.866
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		1.148.555.400.000	1.148.555.400.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.148.555.400.000	1.148.555.400.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		219.017.196.787	219.017.196.787
415	3. Cổ phiếu quỹ		(61.161.904.650)	(61.161.904.650)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		749.270.472.555	749.270.472.555
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		7.523.041.519	7.523.041.519
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		78.252.684.233	50.865.596.301
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		13.474.450.792	20.300.476.042
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		64.778.233.441	30.565.120.259
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24	57.333.871.520	39.305.949.354
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.946.047.343.663	7.047.540.268.059

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập

Trần Việt Dũng
Kế toán trưởng

Trần Anh Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và
Khu Công nghiệp Sông Đà

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	747.035.784.394	1.135.901.914.250
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	747.035.784.394	1.135.901.914.250
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(515.156.011.110)	(708.418.157.032)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		231.879.773.284	427.483.757.218
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	3.671.314.618	2.283.308.353
22	7. Chi phí tài chính	27	(3.361.240.697)	(8.852.080.846)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(17.275.232.354)	(10.302.748.101)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	15.1	(30.676.923.542)	(1.572.686.690)
25	9. Chi phí bán hàng	28	(27.612.631.460)	(21.972.473.140)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(54.254.056.488)	(48.512.790.355)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		119.646.235.715	348.857.034.540
31	12. Thu nhập khác		5.437.301.329	309.044.128
32	13. Chi phí khác	29	(9.204.579.191)	(236.888.661.880)
40	14. Lỗ khác		(3.767.277.862)	(236.579.617.752)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		115.878.957.853	112.277.416.788
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(32.294.130.024)	(70.944.155.850)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	602.360.601	610.851.758

ST-C
RIỂN
À
HIỆP
PH


Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và
Khu Công nghiệp Sông Đà


B02-DN/HN


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		84.187.188.430	41.944.112.696
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	23.1	64.778.233.441	30.565.120.259
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	24	19.408.954.989	11.378.992.437
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	569	240
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	569	240


Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập


Trần Việt Dũng
Kế toán trưởng


Trần Anh Đức
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và
Khu Công nghiệp Sông Đà

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		115.878.957.853	112.277.416.788
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		9.395.345.676	10.130.144.198
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(9.521.992.112)	(426.166.781)
05	Lãi/(lãi) từ hoạt động đầu tư		27.005.861.300	(710.621.663)
06	Chi phí lãi vay	27	17.275.232.354	10.302.748.101
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		160.033.405.071	131.573.520.643
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		221.298.502.736	(2.268.772.634)
10	Tăng hàng tồn kho		(21.706.892.429)	(51.717.461.122)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(543.146.612.861)	279.597.728.896
12	Tăng chi phí trả trước		(3.862.975.575)	(6.192.614.018)
14	Tiền lãi vay đã trả		(124.609.750.965)	(248.434.927.941)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(82.162.782.100)	(35.757.352.361)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.908.301.763)	(5.219.940.980)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(398.065.407.886)	61.580.180.463
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(2.029.456.357)	(1.270.561.945)
23	Tiền chi cho vay		(5.745.618.770)	(1.336.911.424)
24	Tiền thu hồi cho vay		3.108.920.852	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.750.068.750)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.738.924.386	2.283.308.353
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(5.677.298.639)	(324.165.016)

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà

B03-DN/HN

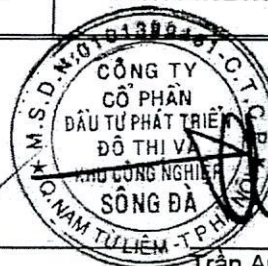
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.166.457.316.548	600.912.016.628
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(644.369.815.178)	(495.032.286.502)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông thiểu số		(955.500.000)	(955.500.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		521.132.001.370	104.924.230.126
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		117.389.294.845	166.180.245.573
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		222.195.226.747	56.014.981.174
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	339.584.521.592	222.195.226.747

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập

Trần Việt Dũng
Kế toán trưởng



Trần Anh Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022